

Số: 308/QĐ-UEF

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng trường và Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 266/QĐ-UEF ngày 01/09/2020 của Hiệu trưởng ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài chính, Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công bố trên trang Thông tin điện tử;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Giang

QUY ĐỊNH

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

*(Kèm theo Quyết định số 308/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên (SV) được đào tạo trình độ đại học, bao gồm: tiêu chí đánh giá và khung điểm, phân loại và quy trình đánh giá, tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.
2. Quy định này được áp dụng đối với sinh viên được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại văn bản này; đảm bảo tính khách quan, công khai, công bằng, chính xác.
2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng người được đánh giá.
3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, đơn vị có liên quan tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:
 - a) Ý thức tham gia học tập;
 - b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong nhà trường;
 - c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
 - d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;
 - đ) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các đạt thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.
2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.



Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Đánh giá về ý thức tham gia học tập (khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm)

1. Chấp hành quy chế thi
 - 10 điểm: đối với SV không bị xử lý kỷ luật trong khi thi kết thúc học phần;
 - Trừ 3 điểm/lần: đối với SV bị xử lý kỷ luật ở mức *Khiển trách* trong khi thi kết thúc học phần;
 - Trừ 5 điểm/lần: đối với SV bị xử lý kỷ luật ở mức *Cảnh cáo* trong khi thi kết thúc học phần;
 - Trừ 10 điểm/lần: đối với SV bị xử lý kỷ luật ở mức *Đình chỉ thi* trong khi thi kết thúc học phần.
2. Có tham dự các buổi hội thảo về học thuật, nghiên cứu khoa học: 3 điểm/lần;
3. Dự thi cuộc thi học thuật cấp khoa trở lên: 3 điểm/cuộc thi;
4. Tham gia nghiên cứu khoa học cấp khoa trở lên (*phải có đề tài nghiên cứu khoa học, bài báo, bài viết tham gia hội thảo, tạp chí*): 4 điểm/lần;
5. Đạt thành tích tại các cuộc thi học thuật, nghiên cứu khoa học
 - 7 điểm: đối với SV đạt giải cấp Trường;
 - 10 điểm: đối với SV đạt giải cấp Thành phố trở lên.

Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường (khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm)

1. Chấp hành quy chế, nội quy, quy định của Trường
 - 10 điểm: đối với SV không bị xử lý kỷ luật vì vi phạm quy chế, nội quy, quy định;
 - Trừ 5 điểm/lần: đối với SV bị lập biên bản vi phạm quy chế, quy định, nội quy;
 - Trừ 10 điểm/lần: đối với SV bị xử lý kỷ luật vì vi phạm quy chế, quy định, nội quy có Quyết định kỷ luật của Hiệu trưởng.
2. Tham gia khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên theo môn học (*feedback môn học*)
 - 6 điểm: đối với SV thực hiện khảo sát đạt tỉ lệ $\geq 90\%$ tổng số môn học;
 - 5 điểm: đối với SV thực hiện khảo sát đạt tỉ lệ $\geq 80\%$ tổng số môn học;
 - 4 điểm: đối với SV thực hiện khảo sát đạt tỉ lệ $\geq 70\%$ tổng số môn học;
 - 3 điểm: đối với SV thực hiện khảo sát đạt tỉ lệ $\geq 60\%$ tổng số môn học;
 - 2 điểm: đối với SV thực hiện khảo sát đạt tỉ lệ $\geq 50\%$ tổng số môn học;
 - 1 điểm: đối với SV thực hiện khảo sát đạt tỉ lệ $< 50\%$ tổng số môn học.
3. Tham dự các buổi sinh hoạt sinh viên theo quy định của Nhà trường
 - 10 điểm: đối với SV tham dự đầy đủ;

- 5 điểm: đối với SV không tham dự đầy đủ;
- 0 điểm: đối với SV không tham dự buổi nào.

Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm)

1. Là thành viên câu lạc bộ, đội nhóm của Trường, của khoa: 3 điểm.
2. Có tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: 3 điểm/lần.
3. Là thành viên Ban tổ chức các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: 4 điểm/lần.
4. Đạt thành tích về các hoạt động:
 - 7 điểm: đối với SV đạt giải cấp Trường
 - 10 điểm: đối với SV đạt giải cấp Thành phố trở lên.

Điều 7. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng (khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm)

1. Không vi phạm pháp luật và các quy định của Nhà nước: 20 điểm.
2. Tham gia hoạt động giúp đỡ bạn bè khó khăn, hoạn nạn; tham gia hiến máu nhân đạo hoặc ủng hộ các hiện vật, hiện kim cho các hoạt động cộng đồng: 2 điểm/lần.
3. Tham gia các dự án của Trung tâm Kết nối cộng đồng: 5 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện (khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm)

1. Là cán bộ lớp; cán bộ Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên, thành viên ban điều hành, ban chủ nhiệm câu lạc bộ, đội, nhóm: 5 điểm.
2. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ủy viên Ban chấp hành Đoàn trường, Ủy viên Chi đoàn, cán bộ lớp, Ban chủ nhiệm câu lạc bộ, đội, nhóm:
 - 5 điểm: đối với SV hoàn thành nhiệm vụ;
 - 0 điểm: đối với SV không hoàn thành nhiệm vụ.
3. Cộng từ 1 đến 5 điểm thưởng cho những SV không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động của Khoa. Danh sách SV và số điểm được thưởng do lãnh đạo Khoa quyết định.
4. SV được nhận giấy khen của cấp Quận/Trường về các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện: 7 điểm.
5. SV được nhận bằng khen của cấp Tỉnh, Thành phố về các thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện: 10 điểm.

Chương III
PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ
VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 9. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.
2. Phân loại kết quả rèn luyện:
 - Từ 90 đến 100 điểm : Xuất sắc
 - Từ 80 đến dưới 90 điểm : Tốt
 - Từ 65 đến dưới 80 điểm : Khá
 - Từ 50 đến dưới 65 điểm : Trung bình
 - Từ 35 đến dưới 50 điểm : Yếu
 - Dưới 35 điểm : Kém

Điều 10. Phân loại để đánh giá

1. Sinh viên không thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện sẽ nhận điểm rèn luyện bằng 0.
2. Sinh viên bị kỷ luật từ mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.
3. Sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.
4. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi Nhà trường xem xét cho học tiếp thì thời gian nghỉ học không thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện.
5. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai trường được bảo lưu kết quả rèn luyện của trường cũ khi học tại trường mới và được tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Cuối mỗi học kỳ chính, sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá điểm theo Phụ lục “Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên” ban hành kèm theo Quy định này.
2. Tổ chức họp lớp có giáo viên chủ nhiệm hoặc cố vấn học tập tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể lớp và phải có biên bản kèm theo.
Giáo viên chủ nhiệm hoặc cố vấn học tập xác nhận kết quả họp lớp và chuyển kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp khoa.
3. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trường khoa thông qua và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường.

4. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên được thông báo qua công thông tin sinh viên của Trường.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên

1. Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên và chấm dứt hoạt động khi Hội đồng ban hành Quyết định công nhận kết quả của sinh viên chính thức.

2. Hội đồng cấp Trường: Do Hiệu trưởng quyết định thành lập.

a) Thành phần Hội đồng cấp Trường

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

- Thường trực hội đồng: Trưởng/Phó Trưởng phòng Công tác sinh viên.

- Các ủy viên: Đại diện lãnh đạo các phòng, khoa có liên quan, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp Trường

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của Hội đồng cấp Khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên của từng Khoa, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

3. Hội đồng cấp khoa: do Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trường khoa ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp khoa.

a) Thành phần Hội đồng cấp Khoa

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trường khoa ủy quyền.

- Các ủy viên: thư ký khoa; giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập; đại diện Đoàn khoa; Chi đoàn; Chi hội; Ban cán sự lớp.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp Khoa

- Giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng người học trong khoa.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập của từng đơn vị lớp, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên của từng lớp, đề nghị Trường khoa công nhận.

Điều 13. Thời gian đánh giá



1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học (*Học kỳ hệ không đánh giá rèn luyện*).
2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá.
3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ chính của năm học đó.
4. Điểm rèn luyện của toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ chính của khóa học.

Điều 14. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong cơ sở dữ liệu sinh viên của Trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng – kỷ luật, xét thôi học, ngừng học và xét các ưu tiên khác theo quy định của Nhà trường.
2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khoá học của từng sinh viên được lưu trong cơ sở dữ liệu sinh viên của Trường, là căn cứ để xét làm khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện của từng sinh viên khi tốt nghiệp ra Trường;
3. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong 2 học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 15. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại bằng cách gửi đơn khiếu nại đến Phòng Công tác sinh viên nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, Nhà trường sẽ có trách nhiệm giải quyết, trả lời cho sinh viên.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành theo Quyết định ban hành của Hiệu trưởng. Các quy định trước đây trái với Quy định này không còn hiệu lực thi hành.

Điều 17. Sửa đổi quy định

Trong quá trình thực hiện nếu có điều gì chưa hợp lý cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị, cá nhân đề nghị Nhà trường xem xét điều chỉnh để quy định phù hợp với các quy định pháp luật và tình hình thực tế của Nhà trường./.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Giang

Phụ lục
PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN
HỌC KỲ, NĂM HỌC

(Kèm theo Quyết định số 308/QĐ-UEF ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)

Họ tên: _____

MSSV: _____

Ngành: _____

Lớp: _____

TC	NỘI DUNG	MỨC ĐÁNH GIÁ	Sinh viên tự đánh giá		Lớp đánh giá	
			Điểm	Diễn giải	Điểm	Diễn giải
1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập (khung điểm đánh giá từ 0 – 20 điểm)						
1.1	Chấp hành quy chế thi	10 điểm - nếu không bị xử lý kỷ luật trong khi thi kết thúc học phần				
		0 điểm - nếu vi phạm quy chế thi				
		Trừ 3 điểm/lần nếu vi phạm quy chế thi ở mức Khiển trách				
		Trừ 5 điểm/lần nếu vi phạm quy chế thi ở mức Cảnh cáo				
		Trừ 10 điểm/lần nếu vi phạm quy chế thi ở mức Đình chỉ thi				
1.2	Có tham dự các buổi hội thảo, tọa đàm, chuyên đề về học thuật, nghiên cứu khoa học	3 điểm/lần				
1.3	Dự thi cuộc thi học thuật cấp khoa trở lên	3 điểm/cuộc thi				
1.4	Tham gia nghiên cứu khoa học (gồm đề tài nghiên cứu khoa học, bài báo, bài viết tham gia hội thảo, tạp chí) cấp khoa trở lên	4 điểm/lần				

TC	NỘI DUNG	MỨC ĐÁNH GIÁ	Sinh viên tự đánh giá		Lớp đánh giá	
			Điểm	Diễn giải	Điểm	Diễn giải
1.5	Đạt thành tích tại các cuộc thi học thuật, nghiên cứu khoa học	7 điểm - Đạt Giải cấp trường				
		10 điểm - Đạt Giải cấp Thành phố trở lên				
2. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định nhà trường (khung điểm đánh giá từ 0 – 25 điểm)						
2.1	Chấp hành quy chế, nội quy, quy định của Trường	10 điểm - Không bị xử lý kỷ luật vì vi phạm quy chế, nội quy, quy định của Trường				
		Trừ 5 điểm/lần nếu vi phạm quy chế, quy định, nội quy của Trường bị lập biên bản				
		Trừ 10 điểm/lần nếu vi phạm quy chế, quy định, nội quy có Quyết định kỷ luật của Hiệu trưởng				
2.2	Tham gia khảo sát hoạt động giảng dạy của giảng viên theo môn học (feedback môn học)	6 điểm - Thực hiện khảo sát đạt tỉ lệ \geq 90% tổng số môn học				
		5 điểm - Thực hiện khảo sát đạt tỉ lệ \geq 80% tổng số môn học				
		4 điểm - Thực hiện khảo sát đạt tỉ lệ \geq 70% tổng số môn học				
		3 điểm - Thực hiện khảo sát đạt tỉ lệ \geq 60% tổng số môn học				
		2 điểm - Thực hiện khảo sát đạt tỉ lệ \geq 50% tổng số môn học				
		1 điểm - Thực hiện khảo sát đạt tỉ lệ $<$ 50% tổng số môn học				

TC	NỘI DUNG	MỨC ĐÁNH GIÁ	Sinh viên tự đánh giá		Lớp đánh giá	
			Điểm	Diễn giải	Điểm	Diễn giải
2.3	Tham dự các buổi Sinh hoạt sinh viên theo quy định của Nhà trường	10 điểm - Có tham dự đầy đủ				
		5 điểm - Không tham dự đầy đủ				
		0 điểm - Không tham dự				
3. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội (khung điểm đánh giá từ 0 – 20 điểm)						
3.1	Là thành viên câu lạc bộ, đội, nhóm của trường, của khoa	3 điểm				
3.2	Có tham gia các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, tình nguyện, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	3 điểm/ lần				
3.3	Là thành viên Ban tổ chức các hoạt động chính trị – xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4 điểm/ lần				
3.4	Đạt thành tích về các hoạt động	7 điểm/lần - Cấp trường				
		10 điểm/lần - Cấp thành phố trở lên				
4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng (khung điểm đánh giá từ 0 – 25 điểm)						
4.1	Không vi phạm pháp luật và các quy định của Nhà nước	20 điểm				
4.2	Tham gia hoạt động giúp đỡ bạn bè khó khăn, hoạn nạn, hiến máu nhân đạo, ủng hộ các hoạt động Mùa hè xanh, Xuân Tình nguyện, Đông sẻ chia,....	2 điểm/lần				
4.3	Tham gia các dự án của TT Service Learning	5 điểm				

TC	NỘI DUNG	MỨC ĐÁNH GIÁ	Sinh viên tự đánh giá		Lớp đánh giá	
			Điểm	Diễn giải	Điểm	Diễn giải
5. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong Nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên (thang điểm đánh giá từ 0 – 10 điểm)						
5.1	Là thành viên ban cán sự lớp; cán bộ Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên; thành viên ban điều hành, ban chủ nhiệm câu lạc bộ, đội, nhóm	5 điểm				
5.2	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tiêu chí 5.1	Hoàn thành nhiệm vụ: 5 điểm				
		Không hoàn thành nhiệm vụ: 0 điểm				
5.3	Điểm thưởng dành cho SV (không thuộc đối tượng 5.1) có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động của Khoa	Từ 01-05 điểm (danh sách và mức điểm do lãnh đạo Khoa quyết định)				
5.4	Nhận giấy khen của cấp Quận/ Trường về các thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện	7 điểm				
5.5	Nhận bằng khen của cấp tỉnh, thành phố về các thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện	10 điểm				

Tổng điểm sinh viên tự chấm: _____

Tổng điểm lớp chấm: _____

Giáo viên chủ nhiệm

Ban Cán sự lớp

Sinh viên